

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Ý YÊN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 4 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 16/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: P, X, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: T, X, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị P, anh T (chị P xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Chị Phạm Thị Thu P trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với Anh Phạm Văn T ngày 10/02/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa chị và anh T không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống nên hay xảy ra va chạm, cãi vã. Chị và anh T hiện đang sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 17/9/2014 và Phạm Thảo N, sinh ngày 23/01/2016. Hiện nay, cả hai con đang ở

cùng với chị. Sau ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Ngày 09/3/2020, tại đơn đề nghị, bà Lê Thị H là mẹ đẻ của Anh Phạm Văn T cho biết: Anh Phạm Văn T kết hôn với Chị Phạm Thị Thu P vào tháng 02/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo đúng quy định của pháp luật và có tổ chức lễ cưới theo thủ tục truyền thống tại địa phương. Năm 2017, vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn, chị P có làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, sau đó được gia đình phân tích, chị P rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Đến đầu năm 2018, anh T lại làm đơn xin ly hôn chị P, sau khi được Tòa án phân tích, hòa giải anh T rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Sau đó anh chị quay về chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh T chủ động sống ly thân chị P, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ cuối năm 2019 đến nay. Gia đình cũng hòa giải nhưng khả năng hàn gắn hạnh phúc cho anh chị là rất khó khăn vì chị P kiên quyết ly hôn, anh T thì vẫn cố tình sống ly thân, không quay về đoàn tụ. Gia đình cũng không có cách nào tháo gỡ nên đề nghị Tòa án giải quyết đơn của chị P theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh T và gia đình đã nhận được các văn bản này nhưng do công việc làm nghề gỗ bận rộn, anh T không có thời gian đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng, từ chối ký văn bản, từ chối viết bản tự khai và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Về con chung: Anh T và chị P có hai con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 17/9/2014 và Phạm Thảo N, sinh ngày 23/01/2016 hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị P. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án căn cứ vào yêu cầu của anh, chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại buổi làm việc chị P có mặt, anh T vắng mặt. Chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án

đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị P xin vắng mặt. Anh T mặc dù được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị P đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn Chị Phạm Thị Thu P thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại T, X, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị P có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *[2] Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu P và Anh Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T, chị P đều đã làm đơn đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết đã được gia đình và Toà án phân tích, hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Nhưng hiện nay, mâu thuẫn giữa anh, chị vẫn không được giải quyết, hai bên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã và hiện anh chị đang sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Về phía anh T, mặc dù anh biết việc chị P xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hòa giải cho anh chị nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị P

nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh chị nhưng anh T vẫn không có mặt. Chị P đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh T nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị P, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị P và anh T có hai con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 17/9/2014 và Phạm Thảo N, sinh ngày 23/01/2016. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Tuy nhiên, kể từ khi sống ly thân cả hai con chung đều đang ở cùng chị P, được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Cả hai con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P, anh T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Phạm Thị Thu P và Anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 17/9/2014 và Phạm Thảo N, sinh ngày 23/01/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị Thu P phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001344, ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị P và anh T được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã N: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Thị Ngọc Bích**